

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2025/KDTM-PT
Ngày 20-02-2025
V/v tranh chấp hợp đồng mua bán
hàng hoá

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Trí Dũng

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Minh Tấn

Ông Huỳnh Văn Luật

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Phan Hoàng Khang – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:**
Bà Phạm Thị Ngọc Giàu – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xét xử phúc thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 78/2024/TLPT-KDTM ngày 11 tháng 12 năm 2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa”.

Do Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 58/2024/KDTM-ST ngày 21 tháng 10 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 74/2024/QĐ-PT ngày 30 tháng 12 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 12/2024/QĐ-PT ngày 13 tháng 01 năm 2025, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Công ty Trách nhiệm hữu hạn D1; địa chỉ trụ sở: Tầng A, số C đường N, Phường E, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:

1. Bà Lạc Thị Tú D, sinh năm 1983; địa chỉ liên hệ: phòng 603, tầng F, Tòa nhà C, 7 N, phường V, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh, có mặt;

2. Ông Trần Văn P, sinh năm 1992; địa chỉ liên hệ: phòng 603, tầng F, Tòa nhà C, 7 N, phường V, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh, có mặt;

3. Bà Nguyễn Phan Mỹ T, sinh năm 2002; địa chỉ liên hệ: P, tầng F, Tòa nhà C, 7 N, phường V, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh, vắng mặt;

Là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 11/6/2024).

- *Bị đơn*: Công ty Trách nhiệm hữu hạn Y; địa chỉ: Số G Đại lộ B, khu phố F, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương;

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1979; địa chỉ: 1 Đại lộ B, khu phố H, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Là người đại diện theo ủy quyền theo văn bản ủy quyền ngày 11/9/2024, có mặt.

- *Người kháng cáo*: bị đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn Y.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung bản án sơ thẩm:

Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án người đại diện của nguyên đơn ông Trần Văn P trình bày:

Ngày 31/10/2023, Công ty Trách nhiệm hữu hạn D1 (gọi tắt là Công ty D1) và Công ty Trách nhiệm hữu hạn Y (gọi tắt là Công ty Y) đã ký kết Hợp đồng kinh tế số 163/HĐKT-T.D/2023. Theo đó, Công ty D1 đồng ý bán cho Công ty Y trang thiết bị y tế do Công ty D1 nhập khẩu, với các thỏa thuận chính như sau: 01 Máy siêu âm Doppler màu 4D hoàn toàn mới (100%), có xuất xứ từ Hàn Quốc, được sản xuất năm 2023; và toàn bộ phụ kiện đính kèm. Bộ máy siêu âm có giá trị là 770.000.000 đồng đã bao gồm thuế giá trị gia tăng, chi phí vận chuyển, lắp đặt, hướng dẫn sử dụng bộ máy siêu âm. Lịch trình thanh toán: Công ty Y thanh toán bằng cách chuyển khoản vào tài khoản ngân hàng của Công ty D1 với lịch trình cụ thể như sau:

Đợt 1: Công ty Y thanh toán cho Công ty D1 50.000.000 đồng ngay khi hợp đồng được ký kết;

Đợt 2: Công ty Y thanh toán cho Công ty D1 610.000.000 đồng trong vòng 10 ngày kể từ ngày bàn giao bộ máy siêu âm;

Đợt 3: Công ty Y thanh toán cho Công ty D1 55.000.000 đồng trong vòng 30 ngày kể từ ngày bàn giao bộ máy siêu âm;

Đợt 4: Công ty Y thanh toán cho Công ty D1 55.000.000 đồng trong vòng 60 ngày kể từ ngày bàn giao bộ máy siêu âm.

Địa điểm giao hàng: Phòng khám tại địa chỉ H T, Phường D, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh.

Quá trình thực hiện hợp đồng:

Ngay sau khi hợp đồng được giao kết, Công ty Y đã thanh toán 50.000.000 đồng cho Công ty D1. Ngày 31/10/2023, Công ty D1 đã giao bộ máy siêu âm cho Công ty Y tại địa chỉ Phòng khám theo thỏa thuận. Sau khi bộ máy siêu âm được lắp đặt và chạy thử hoàn chỉnh tại phòng khám, Công ty D1 và Công ty Y đã cùng

lập Biên bản nghiệm thu thiết bị số 163/BBNT-T.D/2023 ngày 14/11/2023 ghi nhận việc “Hàng hóa được lắp đặt và chạy thử hoàn chỉnh tại đơn vị sử dụng của bên Mua, theo đúng yêu cầu kỹ thuật của thiết bị” và “Kỹ sư của bên B đã hướng dẫn cho người sử dụng của bên Mua sử dụng thuần thục thiết bị”.

Sau khi hoàn thành nghĩa vụ giao hàng, Công ty D1 đã nhiều yêu cầu Công ty Y thanh toán số tiền là 720.000.000 đồng. Trong đó, có 2 lần đề nghị bằng văn bản là: Ngày 02/11/2023, Công ty D1 gửi đến Công ty Y Giấy đề nghị thanh toán số 956/CV.TCKT.TD.2023 và ngày 29/11/2023, Công ty D1 gửi đến Công ty Y Giấy đề nghị thanh toán số 1119/CV.TCKT.TD.2023.

Ngày 29/11/2023, Công ty Y đã gửi cho Công ty D1 công văn số 01/CV.YTMD.2023 xác nhận việc chậm thanh toán, tự đề nghị về việc thanh toán tiền lãi chậm trả bằng với tiền lãi ngân hàng đối với số tiền còn thiếu và đề nghị được thanh toán số tiền hàng còn lại trong vòng 45 ngày từ 01/12/2023 đến ngày 15/01/2024.

Ngày 07/12/2023, ông Nguyễn Đình Đ – Giám đốc kiêm người đại diện theo pháp luật của Công ty Y tự mình lập Bản cam kết viết tay đề cùng ngày theo đó cam kết về việc sẽ thanh toán cho Công ty D1 150.000.000 đồng trong giai đoạn từ ngày 11/12/2023 đến ngày 16/12/2023; cam kết về việc sẽ thanh toán cho Công ty T.D từ 50.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng trong các tuần tiếp theo cho đến khi hết công nợ; và cam kết giải quyết dứt điểm công nợ theo hợp đồng cho Công ty D1 trước tết nguyên đán năm 2024 (từ ngày 08/02/2024 đến hết ngày 14/02/2024).

Ngày 14/12/2023, Công ty D1 tiếp tục gửi Giấy đề nghị thanh toán số 1181/CV.TCKT.TD cho Công ty Y. Tuy nhiên, Công ty Y vẫn tiếp tục trì hoãn, và cố tình không thanh toán tiền hàng cho Công ty D1.

Công ty D1 khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Buộc Công ty Y phải thanh toán ngay lập tức, một lần và toàn bộ cho Công ty D1 số tiền tạm tính là 850.311.414 đồng, bao gồm tiền hàng: 720.000.000 đồng; lãi chậm trả tạm tính: 15.978.082 đồng; tiền phạt vi phạm: 57.600.000 đồng; tiền bồi thường thiệt hại tạm tính: 58.333.332 đồng.

- Buộc Công ty Y phải giao lại bộ máy siêu âm cho Công ty D1 cho đến khi Công ty Y hoàn tất nghĩa vụ thanh toán tiền hàng và tiền phạt vi Phạm.

Quá trình giải quyết nguyên đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền bồi thường thiệt hại 58.333.332 đồng và buộc Công ty Y và Phòng khám phải liên đới giao lại bộ máy siêu âm cho Công ty D1 cho đến khi Công ty Y hoàn tất nghĩa vụ thanh toán tiền hàng và tiền phạt vi phạm. Công ty D1 chỉ yêu cầu Công ty Y thanh toán cho Công ty D1 số tiền hàng còn lại là 720.000.000 đồng, tiền lãi chậm trả tạm tính là 15.978.082 đồng, tiền phạt vi phạm 57.600.000 đồng.

Quá trình làm việc tại Tòa án, người đại diện hợp pháp của bị đơn ông Nguyễn Đình Đ trình bày:

Thống nhất với trình bày của nguyên đơn về quá trình ký kết và thực hiện hợp đồng. Công ty Y đồng ý thanh toán số tiền còn nợ cho Công ty D1. Tuy nhiên, Công ty Y yêu cầu trả từng đợt, tháng đầu tiên trả 100.000.000 đồng, các tháng tiếp theo trả 50.000.000 đồng cho đến khi thanh toán hết số tiền nợ. Về tiền lãi và tiền phạt hợp đồng, hiện nay Công ty Y không có khả năng trả nên đề nghị Công ty D1 giảm toàn bộ lãi chậm thanh toán và phạt hợp đồng.

Bản án sơ thẩm số 58/2024/KDTM-ST ngày 21/10/2024 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương đã tuyên xử:

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH D1 T.D với số tiền bồi thường thiệt hại 58.333.332 đồng và buộc Công ty Y và Phòng khám phải liên đới giao lại Bộ Máy Siêu Âm cho Công ty D1 cho đến khi Công ty Y hoàn tất nghĩa vụ thanh toán tiền hàng và tiền phạt vi phạm.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH D1 về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa” đối với bị đơn Công ty TNHH Y.

Buộc Công ty TNHH Y có trách nhiệm thanh toán cho Công ty TNHH D1 số tiền 812.315.520 đồng (Tám trăm mười hai triệu ba trăm mười lăm nghìn năm trăm hai mươi đồng) trong đó nợ gốc là 720.000.000 đồng (Bảy trăm hai mươi triệu đồng), lãi là 34.715.520 đồng (Ba mươi bốn triệu bảy trăm mười lăm nghìn năm trăm hai mươi đồng), phạt hợp đồng là 57.600.000 đồng (Năm mươi bảy triệu sáu trăm nghìn đồng).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo, kháng nghị.

Ngày 31/10/2024, bị đơn Công ty Y kháng cáo yêu cầu hủy bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Ý kiến đại diện ủy quyền của bị đơn: Công ty Y xác nhận số nợ gốc, lãi như bản án sơ thẩm và thay đổi yêu cầu kháng cáo, đề nghị sửa bản án sơ thẩm gia hạn thời gian thanh toán số nợ 812.315.520 đồng thêm 12 tháng.

Ý kiến đại diện ủy quyền của nguyên đơn: Nguyên đơn không chấp nhận kháng cáo, đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm vì số nợ đã quá lâu, không chấp nhận gia hạn thêm thời gian thanh toán.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, những người tiến hành tố tụng và đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện bị đơn thống nhất trả nợ cho nguyên đơn như bản án sơ thẩm và xin gia hạn trả nợ trong thời hạn 12 tháng nhưng không được nguyên đơn chấp nhận nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị đơn.

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, lời trình bày của đương sự, ý kiến của Viện Kiểm sát, Hội đồng xét xử phúc thẩm,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Công ty D1 và Công ty TNHH Y thống nhất việc ký kết Hợp đồng kinh tế số 163/HĐKT-T.D/2023 ngày 31/10/2023. Ngày 31/10/2023, Công ty D1 đã thực hiện xong việc bàn giao, nghiệm thu thiết bị là bộ máy siêu âm cho Công ty Y. Công ty Y thanh toán 50.000.000 đồng, còn nợ lại 720.000.000 đồng đến nay chưa thanh toán. Ngày 29/11/2023, Công ty Y đã gửi cho Công ty D1 công văn số 01/CV.YTMD.2023 xác nhận việc chậm thanh toán, tự đề nghị về việc thanh toán tiền lãi chậm trả bằng với tiền lãi ngân hàng đối với số tiền còn thiếu và đề nghị được thanh toán số tiền hàng còn lại trong vòng 45 ngày từ 01/12/2023 đến ngày 15/01/2024. Ngày 07/12/2023, ông Nguyễn Đình Đ – Giám đốc kiêm người đại diện theo pháp luật của Công ty Y tự mình lập Bản cam kết viết tay với nội dung sẽ thanh toán cho Công ty D1 từ ngày 11/12/2023 đến ngày 16/12/2023 số tiền 150.000.000 đồng và các tuần tiếp theo sẽ thanh toán liên tục từ 50.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng cho đến khi hết công nợ, giải quyết dứt điểm trước tết nguyên đán năm 2023 nhưng đến nay vẫn không thanh toán. Vì vậy, Tòa án sơ thẩm xét xử buộc bị đơn có trách nhiệm thanh toán cho nguyên đơn số nợ gốc 720.000.000 đồng, lãi là 34.715.520 đồng và phạt hợp đồng 57.600.000 đồng, tổng cộng 812.315.520 đồng là có căn cứ.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn thay đổi yêu cầu kháng cáo, thừa nhận số nợ 812.315.520 đồng và đề nghị gia hạn thanh toán trong thời hạn 12 tháng nhưng không thỏa thuận được với nguyên đơn nên không có cơ sở chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn.

[3] Từ những cơ sở nhận định nêu trên, xét kháng cáo của bị đơn là không có căn cứ chấp nhận, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm là phù hợp.

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm: Bị đơn phải chịu theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 148, khoản 1 Điều 308, 313 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn Y.

2. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 58/2024/KDTM-ST ngày 21/10/2024 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương như sau:

2.1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH D1 T.D với số tiền bồi thường thiệt hại 58.333.332 đồng và buộc Công ty Y và Phòng khám phải liên đới giao lại Bộ Máy Siêu Âm cho Công ty D1 cho đến khi Công ty Y hoàn tất nghĩa vụ thanh toán tiền hàng và tiền phạt vi phạm.

2.2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH D1 về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa” đối với bị đơn Công ty TNHH Y.

Buộc Công ty TNHH Y có trách nhiệm thanh toán cho Công ty TNHH D1 số nợ gốc là 720.000.000 đồng, nợ lãi là 34.715.520 đồng, phạt hợp đồng là 57.600.000 đồng, tổng số tiền phải thanh toán là 812.315.520 đồng (tám trăm mười hai triệu ba trăm mười lăm nghìn năm trăm hai mươi đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm thi hành án thì còn phải trả tiền lãi, theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2.3. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

- Công ty TNHH Y phải chịu số tiền án phí sơ thẩm là 36.369.466 đồng (ba mươi sáu triệu ba trăm sáu mươi chín nghìn bốn trăm sáu mươi sáu đồng).

- Chi cục thi hành án dân sự thành phố T hoàn trả cho Công ty TNHH D1 số tiền 18.755.000 đồng (mười tám triệu bảy trăm năm mươi lăm nghìn) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004566, ngày 18/6/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố T.

3. Án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm: Công ty TNHH Y phải chịu 2.000.000 đồng, được khấu trừ tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp 2.000.000 (hai triệu) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003472 ngày 08/11/2024 của Chi cục Thi hành án thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 482 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014)./.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Chi cục THADS thành phố Thủ Dầu Một;
- TAND thành phố Thủ Dầu Một;
- Các đương sự (để thi hành);

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Lưu: VT(1), Hồ sơ.

Phan Trí Dũng